TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 21 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Bà Hoàng Thị Vân.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 132/2026/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2026 về việc "Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, công nhận quan hệ hôn nhân" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2026.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ xã S, tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vàng Thị C - Chức vụ: Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã S, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vừ Mí P, sinh năm 1995 và chị Giàng Thị S, sinh năm 1995; Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn L, xã S, tỉnh Tuyên Quang). Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 02/4/2026, cùng các tài liệu kèm theo đơn và tại phiên họp, người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự trình bày: Ngày 06/6/2013, Ủy ban nhân dân (UBND) xã Sủng Là, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang) thực hiện việc đăng ký kết hôn cho hai công dân là Vừ Mí P, sinh ngày 16/4/1995 và chị Giàng Thị S, sinh ngày 04/02/1995; cùng trú tại thôn L, xã S, tỉnh Tuyên Quang. Khi thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã do chưa đủ tuổi nên anh Vừ Mí P đã trình bày với cán bộ tư pháp xã rằng anh Vừ Mí P, sinh ngày 01/01/1994. Theo giấy đăng ký khai sinh thì anh Vừ Mí P, sinh ngày 16/4/1995 và chị Giàng Thị S, sinh ngày 04/02/1995 nhưng trong sổ đăng ký kết hôn anh Vừ Mí P được cán bộ tư pháp ghi sinh ngày 01/01/1994 và chị Giàng Thị S, sinh ngày

01/01/1995. Ngoài ra cán bộ tư pháp đã ghi sai tên chị Giàng Thị S thành Cháng Thị Say.

Căn cứ vào Điều 6 Nghị định 123/2015/NĐCP ngày 15/11/2015 thì Giấy đăng ký khai sinh của anh Vừ Mí P là giấy tờ hộ tịch gốc, là cơ sở để xác định ngày, tháng, năm sinh chính xác của anh Vừ Mí P. Theo đó tại thời điểm đăng ký kết hôn anh Vừ Mí P chưa đủ 20 tuổi, vi phạm điểm a khoản 1 Điều 8 Luật HNGĐ năm 2014. Do vậy Hội Liên hiệp phụ nữ xã S, tỉnh Tuyên Quang đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vừ Mí P và chị Giàng Thị S theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vừ Mí P có ý kiến: Ngày 06/6/2013 anh Vừ Mí P và chị Giàng Thị S, sinh ngày 04/02/1995 đến UBND xã Sủng Là, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang). Khi đến Ủy ban xã để đăng ký kết hôn do anh Vừ Mí P chưa đủ tuổi nên đã khai bằng miệng với cán bộ tư pháp xã là anh Vừ Mí P sinh ngày 01/01/1994 và chị Giàng Thị S sinh ngày 01/01/1995 nên cán bộ tư pháp xã đã ghi trong Giấy đăng ký kết hôn anh sinh ngày 01/01/1994 và chị Giàng Thị S sinh ngày 01/01/1995. Do chủ quan nên Công chức Tư pháp đã không yêu cầu anh phải mang giấy tờ ra để đối chiếu kiểm tra mà đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh và vợ. Ngoài ra cán bộ tư pháp đã ghi sai tên chị Giàng Thị S thành Cháng Thị Say, nhưng do vợ chồng anh chị không kiểm tra lại nên không phát hiện. Anh Vừ Mí P xác định việc đăng ký kết hôn giữa anh và chị Giàng Thị S khi anh chưa đủ 20 tuổi là vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi. Nay Hội Liên hiệp phụ nữ xã S, tỉnh Tuyên Quang yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Giàng Thị S là chính xác. Tuy nhiên đến nay anh và chị Giàng Thị S đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, giữa vợ chồng anh không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác nên anh đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Giàng Thị S kể từ ngày anh đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Chị Giàng Thị S nhất trí với ý kiến của anh Vừ Mí P, đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vừ Mí P và chị kể từ ngày anh Vừ Mí P đủ điều kiện kết hôn về độ tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Về tố tụng, từ khi thụ lý vụ việc cho đến khi mở phiên họp và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, hợp tác tốt với Tòa án. Về quan điểm giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và mục 2 Điều 1 Luật số 85/2026/QH15 ngày 25/6/2026 của Quốc Hội; Khoản 6 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; điểm d khoản 2 Điều 10; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 150 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Hội Liên hiệp phụ nữ xã S, tỉnh Tuyên Quang; địa chỉ: UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang; Người đại diện theo pháp luật: Bà Vàng Thị Cầu - Chức vụ: Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã. Đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vừ Mí P và Giàng Thị S. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vừ Mí P và Giàng Thị S, quan hệ hôn nhân giữa anh Vừ Mí P và Giàng Thị S được xác lập từ thời điểm ngày 16/4/2015 là ngày anh Vừ Mí P từ đủ 20 tuổi là ngày đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật HNGĐ năm 2014. Về lệ phí: Hội liên hiệp phụ nữ xã S, tỉnh Tuyên Quang không phải chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn yêu cầu của Hội Liên hiệp phụ nữ xã S, tỉnh Tuyên Quang về việc yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Vừ Mí P và chị Giàng Thị S được Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và mục 2 Điều 1 Luật số 85/2026/QH15 ngày 25/6/2026 của Quốc Hội.

[2] Về nội dung việc dân sự: Ngày 02/7/2013 anh Vừ Mí P và chị Giàng Thị S đến Ủy ban nhân dân xã Sủng Là, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang (nay là UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang) thực hiện việc đăng ký kết hôn. Khi đó, chỉ có chị Giàng Thị S đủ tuổi còn bản thân anh Vừ Mí P chưa đủ tuổi kết hôn, anh Vừ Mí P không mang theo giấy tờ tùy thân mà chỉ khai bằng miệng với Công chức Tư pháp xã nên công chức Tư pháp đã chủ quan không yêu cầu anh phải mang giấy tờ ra để đối chiếu kiểm tra mà đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho anh và chị Giàng Thị S dẫn đến sai sót. Việc UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang đăng ký kết hôn ngày 06/6/2013 cho anh Vừ Mí P và chị Giàng Thị S khi anh Vừ Mí P chưa đủ 20 tuổi là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Do vậy Hội Liên hiệp phụ nữ xã S, tỉnh Tuyên Quang yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vừ Mí P và chị Giàng Thị S là có căn cứ. Tuy nhiên đến nay anh Vừ Mí P đã đủ điều kiện về độ tuổi kết hôn, giữa anh Vừ Mí P và chị Giàng Thị S không vi phạm điều kiện kết hôn nào, cả hai bên cùng có ý kiến đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân. Do vậy Tòa án căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vừ Mí P và chị Giàng Thị S kể từ thời điểm anh Vừ Mí P đủ tuổi kết hôn (tức ngày 16/4/2015).

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ xã xã S, tỉnh Tuyên Quang không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo

quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng chị: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị quyết định theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8, điểm d khoản 2 Điều 10, khoản 1, 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu của Hội Liên hiệp phụ nữ xã S, tỉnh Tuyên Quang.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Vừ Mí P và chị Giàng Thị S (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân xã Sủng Là, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, nay là Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 06/6/2013). Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Vừ Mí P và chị Giàng Thị S kể từ ngày 16/4/2015.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Hội Liên hiệp phụ nữ xã S, tỉnh Tuyên Quang không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã S, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ VDS, VP.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Vân